

Bản án số: 40/2025/DS-PT
Ngày: 17/02/2025
V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 327/2024/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1965 và bà Hoa Thị L, sinh năm: 1964; cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm: 1987.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ và bà D: bà Lương Thị T, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024. (Có mặt).

3. Ông Hoa Út M, sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

4/ Bà Hoa Diệu H, sinh năm: 1973; địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoa Thị L, ông Nguyễn Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoa Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Bà T và chồng là ông Nguyễn Văn B1 được bà Trần Thị Ba T1 cho phần đất có diện tích 1.000m², thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BP 403327 ngày 21-11-2013. Sau khi ông Nguyễn Hoàng B2 chết vào năm 2014, đến năm 2023 thì bà T phát hiện ông Nguyễn Văn B và bà Hoa Thị L đang quản lý và sử dụng phần đất đã được 09 năm, bà T có yêu cầu ông B và bà L trả lại đất nhưng ông B và bà L chỉ hứa trả đất nhưng không thực hiện như lời hứa nên hai bên phát sinh tranh chấp. Bà Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hoa Thị L trả cho bà Lương Thị T phần đất có diện 1.000m², thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 403327 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Hoàng B2 ngày 21-11-2013.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hoa Thị L trả hoa lợi sử dụng đất trong 09 năm với tổng số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Hoa Thị L trình bày:* Ông B và bà L không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn; phần đất tại bờ dừ là đất của các bị đơn; đối với phần đất còn lại các bị đơn sử dụng đất là do thuê của bà Hoa Diệu H nên không có nghĩa vụ trả đất và trả tiền hoa lợi theo yêu cầu của bà T.

* *Tại biên bản ghi lời khai ngày 13-6-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoa Út M trình bày:* Vào năm 2014, ông M nhận sang đất của bà T diện tích 9,5 công tầm cây và bà T giao toàn bộ đất cho ông M, sau này ông M cho ông B và bà L thuê sử dụng chung trong tổng diện tích 9,5 công tầm cây sang của bà T. Ông M thống nhất ranh đất theo sơ đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông M và bà Hoa Thị H1 đã được cấp vào năm 2015, giữa bà T với ông B và bà L có tranh chấp gì thì ông M không có ý kiến. Đối với việc bà T yêu cầu trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 1.000m², thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, do ông Nguyễn Hoàng B2 đứng tên nếu bà T2 đo đủ 9,5 công tầm cây đã sang còn dư lại bao nhiêu thì ông M đồng ý trả lại cho bà T.

* *Tại Tờ tường trình ngày 22-7-2024, bà Hoa Diệu H trình bày:* Phần đất tranh chấp là do bà H cho ông B và bà L thuê sử dụng từ năm 2015, nguồn gốc đất vào năm 2014, bà H và ông M sang đất của bà T tổng diện tích 9,5 công tầm cây, sau đó bà H và ông M đã làm thủ tục sang tên đứng tên quyền sử dụng tại

thửa đất 66 diện tích 6.670m², ông M thửa 669 có diện tích 5.200m². Do đó, bà T khởi kiện đòi đất là không đúng vì phần đất này đã chuyển nhượng cho bà H và ông M từ năm 2014, khi được cấp giấy chứng nhận thì còn thiếu 480m² nên không chấp nhận đối với yêu cầu của bà T.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 116/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024, đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ các Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T.

- Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Hoa Thị L, bà Hoa Diệu H và ông H2 Út Mười trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hoàng B2 gồm bà Lương Thị T, ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị Diễm P đất có diện tích 1.000m² (theo đo đạc thực tế 1.017m², trong đó có 135,3m² thuộc hành lang lộ giới), loại đất trồng lúa, thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp các thửa đất 517, 765 có số đo (3,71 + 10,83 + 8,02)m.

+ Hướng Tây giáp thửa đất 65 có số đo (6,51 + 5,91 + 8,53)m.

+ Hướng Nam giáp các thửa đất 66, 669 có số đo (25,66 + 21,19)m.

+ Hướng Bắc giáp thửa đất 32 có số đo (18,73 + 8,28 + 17,40)m

(Có sơ đồ bản vẽ kèm).

- Giao cho bà Lương Thị T, ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị D tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định các cây trồng theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 13-3-2024, gồm: 04 (bốn) cây chuối loại A; 03 (ba) cây chuối loại B; 30 (Ba mươi) cây tràm bông vàng loại C; 06 (Sáu) cây dừa loại A.

- Bà Lương Thị T, ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn B và bà Hoa Thị L phần giá trị các cây trồng nêu trên với số tiền là 6.631.350 đồng (Sáu triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T việc buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hoa Thị L bồi thường thiệt hại đối với hoa lợi sử dụng đất với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng

với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 14/10/2024, bị đơn bà Hoa Thị L và ông Nguyễn Văn B kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án với lý do ông bà chỉ là người thuê đất và bản án đã xử lẫn qua một phần của thửa đất số 32 mà ông bà đứng tên.

* Ngày 14/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoa Diệu H kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” là phù hợp và Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoa Thị L và ông Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất. Bởi, xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà T, muốn lấy lại phần đất có diện tích 1.000m² (diện tích thực tế 1.017 m²) thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hoàng B2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với

đất số BP 403327, ngày 21/11/2013 đất do ông B và bà L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: *“Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm”* và tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (sau đây gọi chung là người khởi kiện) tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”*. Mặc dù phần đất đang tranh chấp là ông bà thuê lại của bà Hoa Diệu H và ông Hoa Út M, nhưng phần đất này nguyên đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và ông B và bà L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B và bà L là bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[3.2]. Đối với kháng cáo về việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đã chỉ ranh lấn qua phần đất thuộc thửa 32 của bị đơn, thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bị đơn không có yêu cầu phản tố và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định đo đạc đối với thửa đất 32 để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án, mặt khác theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 09/5/2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp đã thể hiện phần đất có diện tích thực tế là 1.017m² vẫn thuộc thửa 33, tờ bản đồ số 01 do ông Nguyễn Hoàng B2 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Do đó việc bị đơn cho rằng phần diện tích thực tế 1.017m² của thửa 33 đã lấn sang phần diện tích của thửa 32 của bị đơn không có căn cứ và tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm thẩm định đo đạc lại thửa đất 33 như đã nhận định trên là sơ đồ đo đạc đất tranh chấp đã thể hiện rõ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3.3]. Đối với kháng cáo về chi phí tố tụng, thấy rằng tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định *“Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”* và tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định *“Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Như vậy do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông B và bà L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền 5.683.289 đồng là đúng theo quy định pháp luật.

[3.4]. Đối với các cây trồng đã được các bị đơn trồng trước khi Tòa án thẩm định tại chỗ, như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định để giảm bớt thiệt hại khi di dời nên giao cho bà T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B2 tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định, đồng thời, bà T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông B và bà L giá trị của các cây trồng này theo kết quả định giá tài sản số tiền là 6.631.350 đồng là có căn cứ và đúng quy định.

Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng cáo của các bị đơn về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoa Diệu H, Hội đồng xét xử thấy rằng các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của gia đình nguyên đơn. Bà T đòi lại vì cho rằng bà không có chuyển nhượng phần đất thửa 33 cho bà H và ông Út M. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, ông M đều cho rằng phần đất tranh chấp đã được bà T chuyển nhượng cho ông M và bà H trong tổng diện tích 9,5 công tầm cây vào năm 2014 thuộc thửa đất 66, thấy rằng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông M và bà H lập vào năm 2015 chỉ thể hiện việc bà T và cùng với các con là anh Đ và chị D chuyển nhượng cho bà H và ông M đổi với thửa đất 66 do ông Nguyễn Hoàng B2 đứng tên, sau đó các bên đã tiến hành đăng ký sang tên, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo trình tự thủ tục tại thửa 66, tờ bản đồ số 01, diện tích 6670m² và ông M cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo trình tự thủ tục tại thửa 669, tờ bản đồ số 01, diện tích 5200m².

[5]. Mặc khác tại phiên tòa phúc thẩm bà H và ông M cũng khẳng định là không có nhận chuyển nhượng tại thửa 33, tờ bản đồ số 01 của bà T. Như vậy đối với phần đất tranh chấp có diện tích 1.000m² (theo đo đạc thực tế 1.017m²), thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, do bà T không biết rõ đã cầm cọc giao đất cho ông M và bà H sử dụng, sau đó, ông M và bà H cho ông B và bà L thuê sử dụng cho đến nay.

[6]. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, ông M, bà L và ông B trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hoàng B2 gồm bà Lương Thị T, ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Nguyễn Thị Diễm P đất có diện tích 1.000m² (theo đo đạc thực tế 1.017m², trong đó có 135,3m² thuộc hành lang lộ giới), loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại tọa lạc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ.

[7]. Đối với việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, ông M cho rằng đã nhận chuyển nhượng đất của bà T với tổng diện tích 9,5 công tầm cây vào năm 2014, nhưng bà T giao đất chưa đủ, do trong vụ án này tại cấp sơ thẩm bà H và ông M không có yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp sơ thẩm không có xem xét. Do đó bà H và ông M được quyền khởi kiện bà T tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét buộc bà T giao đủ đất theo thỏa thuận chuyển nhượng giữa các ông bà.

[8]. Từ đó cho thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoa Diệu H.

[9]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoa Diệu H. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Các phần khác của quyết định Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoa Thị L và ông Nguyễn Văn B.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoa Diệu H.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Hoa Thị L và ông Nguyễn Văn B được miễn án phí. Trả lại cho bà L và ông B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004073 và 0004074 cùng ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định